

NGÂN HÀNG NHÀ
NƯỚC
Số: 987/2001/QĐ-NHNN

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Hà Nội, ngày 2 tháng 8 năm 2001

QUYẾT ĐỊNH

*Về việc ban hành Quy chế quản lý, cung cấp và khai thác sử dụng
Thông tin tín dụng điện tử*

THÔNG ĐỐC NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC

Căn cứ Luật Ngân hàng Nhà nước Việt Nam số 01/1997/QH10 và Luật các Tổ chức tín dụng số 02/1997/QH10 ngày 12-12-1997;

Căn cứ Nghị định số 15/CP ngày 02-03-1993 của Chính phủ về nhiệm vụ, quyền hạn và trách nhiệm quản lý Nhà nước của Bộ, cơ quan ngang Bộ;

Theo đề nghị của Giám đốc Trung tâm Thông tin tín dụng,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế quản lý, cung cấp và khai thác sử dụng Thông tin tín dụng điện tử.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 15 ngày kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng, Giám đốc Trung tâm Thông tin tín dụng, Thủ trưởng các đơn vị thuộc Ngân hàng Nhà nước, Giám đốc chi nhánh Ngân hàng Nhà nước tỉnh, thành phố, Chủ tịch Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc (Giám đốc) các tổ chức tín dụng và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

QUY CHẾ

Quản lý, cung cấp và khai thác sử dụng thông tin tín dụng điện tử

(Ban hành kèm theo Quyết định số 987/2001/QĐ-NHNN

ngày 02 tháng 8 năm 2001 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước)

Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy chế này điều chỉnh các hoạt động về quản lý, cung cấp và khai thác sử dụng Thông tin tín dụng điện tử, nhằm bảo đảm an toàn cho hệ thống Thông tin tín dụng trong ngành ngân hàng, phục vụ công tác quản lý của Ngân hàng Nhà nước và ngăn ngừa, hạn chế rủi ro trong kinh doanh của các tổ chức tín dụng.

Điều 2. Giải thích từ ngữ

Trong Quy chế này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. *Thông tin tín dụng điện tử*: là Thông tin tín dụng, được xây dựng, cung cấp và khai thác sử dụng thông qua trang WEB của Trung tâm Thông tin tín dụng Ngân hàng Nhà nước.
2. *Quản lý Thông tin tín dụng điện tử*: là việc giám sát, phân định quyền trong các công đoạn thu thập, xử lý, lưu trữ, cung cấp và khai thác sử dụng Thông tin tín dụng điện tử.
3. *Cung cấp Thông tin tín dụng điện tử*: là việc tạo lập và chuyển Thông tin tín dụng điện tử cho đơn vị khai thác sử dụng.
4. *Khai thác sử dụng Thông tin tín dụng điện tử*: là việc truy cập để tra cứu, đọc, xem, in, nhận Thông tin tín dụng điện tử theo quyền được khai thác sử dụng.
5. *Phân định quyền*: là việc xác định, phân phối và cấp quyền thực hiện các công việc tương ứng với trách nhiệm của từng đơn vị, cá nhân trong việc thu thập, xử lý, lưu trữ, cung cấp và khai thác sử dụng Thông tin tín dụng điện tử.

Điều 3. Đối tượng áp dụng

1. Ngân hàng Nhà nước Việt Nam;
2. Các Tổ chức tín dụng được thành lập theo Luật các Tổ chức tín dụng;
3. Các tổ chức khác được phép khai thác Thông tin tín dụng điện tử.

Điều 4. Sản phẩm Thông tin tín dụng điện tử

1. Trang tin về các báo cáo cung cấp cho Ban Lãnh đạo Ngân hàng Nhà nước, các Vụ, Cục, đơn vị thuộc Ngân hàng Nhà nước;
2. Trang tin về khách hàng có quan hệ tín dụng với các tổ chức tín dụng; thông tin cảnh báo sớm;
3. Trang tin về các báo cáo phân tích, đánh giá xếp loại doanh nghiệp;
4. Trang tin về thông tin liên quan đến kinh doanh tiền tệ và dịch vụ ngân hàng thu thập từ các nguồn tin trong và ngoài nước;
5. Trang tin về doanh nghiệp nước ngoài có quan hệ hợp tác kinh tế với Việt Nam;
6. Trang tin tuyên truyền, hướng dẫn nghiệp vụ Thông tin tín dụng;
7. Trang tin về hoạt động của hệ thống Thông tin tín dụng.

Chương II

QUẢN LÝ, CUNG CẤP THÔNG TIN TÍN DỤNG ĐIỆN TỬ

Điều 5. Trung tâm Thông tin tín dụng Ngân hàng Nhà nước

1. Trách nhiệm:

- a) Làm đầu mối, tổ chức và phối hợp với các đơn vị liên quan để thiết kế, xây dựng trang WEB Thông tin tín dụng điện tử, quy trình kỹ thuật nghiệp vụ tương ứng;
- b) Quản lý, vận hành các máy chủ, thiết bị, mạng đặt tại Trung tâm Thông tin tín dụng;
- c) Phân định quyền cho các tổ chức, cá nhân thực hiện việc thu thập, xử lý, lưu trữ, cung cấp và khai thác sử dụng Thông tin tín dụng điện tử;
- d) Cấp và bàn giao quyền truy cập mạng Thông tin tín dụng điện tử bằng văn bản (Phiếu đăng ký và bàn giao quyền truy cập mạng Thông tin tín dụng điện tử) cho đơn vị đăng ký khai thác sử dụng, trong thời hạn 5 ngày làm việc kể từ ngày nhận được Phiếu đăng ký hợp lệ;
- đ) Kiểm soát việc truy cập, cung cấp và khai thác sử dụng Thông tin tín dụng điện tử;
- e) Cập nhật và cung cấp thông tin kịp thời, đầy đủ, trung thực, chính xác trong điều kiện kỹ thuật cho phép và nâng cao độ tin cậy của Thông tin tín dụng điện tử.

2. Quyền hạn:

- a) Tạm thời đình chỉ, đình chỉ việc truy cập mạng Thông tin tín dụng điện tử đối với người khai thác sử dụng vi phạm các quy định tại Quy chế này, sau khi đã thông báo với tổ chức đăng ký khai thác sử dụng;
- b) Đề nghị Thống đốc Ngân hàng Nhà nước xử lý các tổ chức vi phạm các quy định tại Quy chế này;
- c) Được thu phí dịch vụ cung cấp thông tin theo quy định tại Điều 9 Quy chế này.

Điều 6. Đơn vị trung gian cung cấp Thông tin tín dụng điện tử

1. Đối tượng thực hiện:

- a) Các chi nhánh Ngân hàng Nhà nước, các tổ chức tín dụng nơi có hơn 10 đơn vị khai thác sử dụng: Hội sở chính, sở giao dịch, chi nhánh cấp 1, đơn vị trực thuộc tổ chức tín dụng, có nhu cầu truy cập trực tiếp, thường xuyên khai thác sử dụng Thông tin tín dụng điện tử, thì được phép đặt máy chủ trung gian để làm nhiệm vụ trung gian cung cấp Thông tin tín dụng điện tử.
- b) Các chi nhánh Ngân hàng Nhà nước không đủ điều kiện tại điểm a) trên đây, thì trực tiếp khai thác trang WEB của Trung tâm Thông tin tín dụng và là đơn vị trung gian, thông qua các phương tiện hiện có để cung cấp Thông tin tín dụng điện tử cho các đơn vị khai thác sử dụng trên địa bàn.

2. Trách nhiệm:

- a) Quản lý, vận hành máy chủ, thiết bị, mạng liên quan đến việc cung cấp, khai thác sử dụng Thông tin tín dụng điện tử do đơn vị đảm nhiệm;
- b) Bố trí đủ cán bộ có khả năng, phẩm chất đạo đức, tinh thần trách nhiệm, để thực hiện các yêu cầu nghiệp vụ và kỹ thuật, đảm bảo việc cung cấp, khai thác sử dụng Thông tin tín dụng điện tử do đơn vị đảm nhiệm;